

# 10 ĐỀ THI HỌC KÌ 1 MÔN NGỮ VĂN 9 NĂM HỌC 2020-2021 CÓ HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

## 1. Đề thi HK1 Môn Ngữ Văn 9 số 1

TRƯỜNG THCS NGUYỄN THỊ ĐỊNH

ĐỀ THI HỌC KÌ 1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 9

Thời gian làm bài: 90 phút

### I. Đọc hiểu văn bản: (3.0 điểm)

Đọc mẫu chuyện sau và trả lời câu hỏi

#### Những hạt đậu của mẹ

Chuyện kể rằng, có một chàng trai nọ không thể lo được cho mẹ già, anh cảm thấy bà như một gánh nặng thực sự khi mỗi ngày phải chăm lo cho từng miếng cơm, cốc nước. Chàng trai đã quyết định mang bà mẹ vào một khu rừng để chối bỏ trách nhiệm phụng dưỡng.

Kế hoạch như đã định, tối đến, chàng trai đã thủ thỉ với mẹ rằng anh muốn đưa bà đi dạo. Anh cõng mẹ trên lưng, men theo con đường mòn trên núi và đi tít vào sâu trong rừng. Trong thâm tâm chàng trai nghĩ rằng mẹ anh sẽ không tìm được đường về nhà, anh cứ cắm đầu đi mãi, đi mãi.

Bỗng dưng chàng trai phát hiện mẹ anh đã bí mật rải những hạt đậu tương tư trên đường đi, anh tức giận hỏi: “Sao mẹ lại làm điều này?”. Bà mẹ bật khóc và trả lời: “Con ngốc lắm! Mẹ sợ không có mẹ con sẽ không tìm được đường về nhà”.

(Nguồn internet)

**Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên? (0.5 điểm)

**Câu 2:** Người mẹ đã bí mật rải những hạt đậu tương trên đường đi để làm gì? (0.5 điểm)

**Câu 3:** Tìm lời dẫn trong câu văn sau và cho biết đó là lời dẫn trực tiếp hay lời dẫn gián tiếp? “Trong thâm tâm chàng trai nghĩ rằng mẹ anh sẽ không thể nào tìm được đường về nhà, anh cứ cắm đầu đi mãi, đi mãi.” (1.0 điểm)

**Câu 4:** Chi tiết bà mẹ bật khóc và trả lời: Con ngốc lắm! Mẹ sợ không có mẹ con sẽ không tìm được đường về nhà.”, gợi cho em cảm xúc gì? (1.0 điểm)

### II. Tạo lập văn bản (7.0 điểm)

**Câu 1:** Trong gian khó, dân gian vẫn động viên nhau rằng: “Cái khó ló cái khôn” Em hãy viết một đoạn văn nghị luận ngắn (khoảng 200 chữ) nêu ý kiến của em về câu tục ngữ trên (2.0 điểm)

**Câu 2 (5.0 điểm)**

Thay lời nhân vật bé Thu trong truyện Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng kể lại kỉ niệm Thu gặp cha sau tám năm xa cách.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI HK1 SỐ 1

MÔN: NGỮ VĂN 9

## I. Đọc hiểu văn bản:

### Câu 1:

- Văn bản trên sử dụng phương thức chính là tự sự.

### Câu 2:

- Người mẹ đã bí mật rải những hạt đậu tương trên đường đi để con trai bà có thể tìm được đường về nhà.

### Câu 3:

- Lời dẫn: mẹ anh sẽ không thể nào tìm được đường về nhà.

- Đây là lời dẫn gián tiếp.

### Câu 4:

- Chi tiết bà mẹ bật khóc và trả lời: Con ngốc lắm! Mẹ sợ không có mẹ con sẽ không tìm được đường về nhà.", gợi cho chúng ta hiểu về tình yêu bao la của mẹ dành cho mình. Qua đó, ta cũng thấy được con cái chúng ta với sự vô tâm và hồn nhiên mãi mãi không thể nào hiểu được tình yêu thiêng liêng của mẹ dành cho mình.

## II. Tạo lập văn bản

### Câu 1:

a. Yêu cầu về kĩ năng:

- Viết đúng kiểu đoạn văn nghị luận xã hội khoảng 200 chữ.

- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

b. Yêu cầu về kiến thức: Triển khai vấn đề đáp ứng đủ các nội dung:

- **Mở bài:** Giới thiệu về câu nói Cái khó ló cái khôn.

- **Thân bài:** Nghị luận về câu nói Cái khó ló cái khôn:

+ Cái khó là hoàn cảnh khó khăn, những thử thách, những hoàn cảnh éo le trong cuộc sống.

+ Cái khôn là sự ngờ ra, là sự có được từ những cái khó.

+ Ý nghĩa câu nói là từ những khó khăn, gian khổ chúng ta sẽ có những suy nghĩ tích cực và đột phá hơn.

+ Trong học tập: khi gặp khó khăn, gian khổ trong học tập chúng ta sẽ có những sáng kiến trong cuộc sống, những sáng kiến trong học tập.

+ Trong cuộc sống: tạo động lực để phát triển, tạo những sáng kiến khi gặp những khó khăn gian khổ.

+ Trước khi làm một điều gì đó, chúng ta nên có những dự kiến những sự lường trước trong cuộc sống

+ Trong bất kì việc gì chúng ta cũng có sự lạc quan.

+ Liên hệ với bản thân.

- **Kết bài:** Nêu cảm nghĩ của em về câu nói Cái khó ló cái khôn.

### Câu 2:

a. Yêu cầu về kĩ năng:

- Viết đúng kiểu bài văn tự sự sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm.
- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

**b. Yêu cầu về kiến thức:** Triển khai vấn đề theo mạch cảm xúc tác phẩm hoặc theo ý của bạn nhưng vẫn đáp ứng đủ các nội dung:

- Giới thiệu về bản thân, hoàn cảnh hiện tại.
- Hồi tưởng về quá khứ:
  - + Chiếc lược ngà làm gợi nhớ lại chuyện năm 8 tuổi.
  - + Cảm xúc hối hận, tự trách bản thân về việc năm xưa đã lạnh nhạt, hờn láo với ba.
  - + Cảm xúc buồn, thương khi nhận ra ba và cũng là lần cuối được thấy ba.
- Hiện tại:
  - + Kể lại cảm xúc, nỗi nhớ của hiện tại và gửi đến bạn đọc niềm trân trọng ba mẹ khi còn chưa muộn.
  - + Tự hứa với ba sẽ sống tốt, hoàn thành các nhiệm vụ để ba được an lòng.
- Khẳng định tình cảm của mình dành cho người cha kính yêu.

## 2. Đề thi HK1 Môn Ngữ Văn 9 số 2

TRƯỜNG THCS NGUYỄN AN NINH

ĐỀ THI HỌC KÌ 1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 9

Thời gian làm bài: 90 phút

### I. Phần I (5.0 điểm)

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới

“Những lúc rồi, anh چرا từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc. Chẳng hiểu sao tôi thích ngồi nhìn anh làm và cảm thấy vui vui khi thấy bụi ngà rơi mỗi lúc một nhiều. Một ngày, anh چرا được một vài răng. Không bao lâu sau, cây lược được hoàn thành. Cây lược dài độ hơn một tấc, bề ngang độ ba phân rưỡi, cây lược cho con gái, cây lược dùng để chải mái tóc dài, cây lược chỉ có một hàng răng thưa. Trên sống lưng lược có khắc một hàng chữ nhỏ mà anh đã gò lưng, tẩn mẩn khắc từng nét: “Yêu nhớ tặng Thu con của ba”.

#### 1. Nhận biết

Nêu tên tác phẩm, tác giả, hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm chứ đoạn trích trên?

#### 2. Nhận biết

Ghi lại 1 câu ghép, chỉ ra ít nhất 2 trạng ngữ trong đoạn trích trên? Công dụng của dấu ngoặc kép trong dòng “Yêu nhớ tặng Thu con của ba” là gì?

#### 3. Vận dụng

Nhân vật tôi đóng vai trò gì trong tác phẩm? Cách chọn vai kể như vậy có tác dụng gì trong việc xây dựng nhân vật và thể hiện nội dung tư tưởng của truyện? Vì sao nhân vật tôi lại “cảm thấy vui vui khi thấy bụi ngà rơi mỗi lúc một nhiều”?

#### 4. Vận dụng cao

Từ hiểu biết trong cuộc sống và tác phẩm trên, hãy trình bày suy nghĩ của em về tình phụ tử? (Viết thành đoạn văn khoảng 20 câu).

#### II. Phần II (5.0 điểm)

Đọc những câu thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

“Quê hương anh nước mặn, đồng chua  
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá  
Anh với tôi đôi người xa lạ  
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau.  
Súng bên súng, đầu sát bên đầu  
Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ  
Đồng chí!”

(Trích *Đồng chí* – Chính Hữu)

##### 1. Thông hiểu

Nêu hoàn cảnh ra đời của bài thơ chứa các câu thơ trên? Giải thích cụm từ “đôi tri kỷ”?

##### 2. Vận dụng

Nêu tên tác giả khác em đã học trong chương trình Ngữ Văn lớp 9 tập 1 có cùng chủ đề với bài thơ trên? Nêu ít nhất hai điểm khác biệt về nội dung, hình thức của nhan đề hai bài thơ đó?

##### 3. Vận dụng cao

Đoạn thơ trên đã cho thấy cơ sở hình thành tình đồng chí giữa những người lính cách mạng thời kì kháng chiến chống Pháp. Em hãy làm rõ đoạn văn theo cách lập luận tổng – phân – hợp khoảng 12-15 câu.

#### HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI HK1 SỐ 2

#### MÔN: NGỮ VĂN 9

##### I. Phần I

###### 1. Gợi ý:

- Tác phẩm: Chiếc lược ngà.
- Tác giả: Nguyễn Quang Sáng.
- Hoàn cảnh sáng tác: tác phẩm được sáng tác năm 1966 khi tác giả đang hoạt động ở chiến trường Nam Bộ.

###### 2. Gợi ý:

- Trạng ngữ: Một ngày, Không bao lâu sau
- Câu ghép: Cây lược dài độ hơn một tấc, bề ngang độ ba phân rưỡi, cây lược cho con gái, cây lược dùng để chải mái tóc dài, cây lược chỉ có một hàng răng thưa.
- Tác dụng dấu ngoặc kép: đánh dấu từ ngữ dẫn trực tiếp.

###### 3. Gợi ý:

- Nhân vật tôi là bác Ba – đồng đội của ông Sáu và đây cũng là người kể chuyện trong tác phẩm.

- Tác dụng việc chọn vai kể:

+ Làm tăng tính khách quan, chân thực cho câu chuyện bởi người kể chuyện đồng thời cũng là một người trong cuộc chứng kiến những sự việc xảy ra.

+ Người kể chuyện dễ dàng đan xen vào những bình luận, những cảm xúc, suy nghĩ hết sức thấu đáo để người đọc có thể hiểu và đồng cảm với câu chuyện.

+ Người kể chuyện có nhiều cơ hội tìm hiểu đi vào thế giới nội tâm nhân vật một cách sâu sắc.

- Vì: khi bụi ngà rơi mỗi lúc một nhiều cũng là lúc chiếc lược sắp hoàn thành, tâm nguyện, nỗi dằn vặt trong lòng người đồng đội – anh Sáu cũng sẽ vơi bớt. Là một người đồng đội, một người bạn thân chứng kiến điều đó khiến anh Ba cũng cảm thấy vui và yên lòng.

4. Gợi ý:

- Giới thiệu vấn đề: Tình phụ tử.

- Bàn luận:

+ Tình phụ tử có thể hiểu là tình cảm cha con thấm thiết, sâu nặng.

=> Tình phụ tử là một tình cảm thiêng liêng, đẹp đẽ mà bất cứ ai cũng cần phải trân trọng.

- Ý nghĩa tình phụ tử:

+ Cha là người sinh ra và nuôi lớn ta trưởng thành.

+ Cha là trụ cột vững chắc cho ta nương tựa.

+ Cha là tấm khiên chắn, bảo vệ ta trước mọi biến cố cuộc đời.

+ Cha chấp cho ta đôi cánh để ta có thể bay cao, bay xa.

- Trách nhiệm con cái với cha:

+ Yêu thương, kính trọng cha.

+ Phụng dưỡng khi cha già yếu.

- Phê phán những hành vi đánh đập, hành hạ cha.

- Liên hệ bản thân và tổng kết vấn đề.

## II. Phần II

1. Gợi ý:

- Hoàn cảnh sáng tác: sáng tác đầu năm 1948, sau khi tác giả cùng đồng đội tham gia chiến đấu trong chiến dịch Việt Bắc thu đông đánh bại cuộc tiến công quy mô lớn của giặc Pháp lên chiến khu Việt Bắc.

- “Đôi tri kỉ”: đôi bạn thân thiết (hiểu bạn như hiểu mình).

2. Gợi ý:

- Tác giả: Phạm Tiến Duật.

- So sánh:

+ Hình thức:

- Đồng chí: tiêu đề ngắn gọn.
- Bài thơ về tiểu đội xe không kính: tiêu đề dài.

#### + Nội dung:

- Đồng chí: là một danh từ chỉ người. Nhan đề hiện lên một cách trực tiếp đưa người đọc nghĩ ngay đến hình ảnh những người lính – chủ đề của bài thơ.
- Bài thơ về tiểu đội xe không kính: hình ảnh những chiếc xe không kính hiện lên, là danh từ chỉ vật.
- Nhan đề gián tiếp đưa người đọc nghĩ về những chiếc xe không kính, từ đó liên tưởng tới hiện thực của chiến tranh và hình ảnh hiên ngang của người lính nơi chiến trường khốc liệt.

### 3. Gợi ý:

- Giới thiệu chung về tác giả, tác phẩm.

- Phân tích, cảm nhận:

+ Cơ sở thứ nhất của tình đồng chí là chung hoàn cảnh xuất thân: Hai dòng thơ đầu đối nhau rất chỉnh: “Quê hương” đối với “làng tôi”, “nước mặn đồng chua” đối với “Đất cày lên sỏi đá”. “Nước mặn đồng chua” là vùng đất ven biển nhiễm phèn, “đất cày lên sỏi đá” là vùng đồi núi trung du đất bị đá ong hóa. Đó đều là những vùng đất khó canh tác. Hai câu thơ giới thiệu quê hương anh và tôi nhưng lại chỉ nói về đất bởi với người nông dân, đất đai là mối quan tâm hàng đầu, là tài sản lớn nhất. Qua đó, ta thấy được cơ sở đầu tiên của tình đồng chí đó là cùng cảnh ngộ, xuất thân nghèo khó, họ đều là những người nông dân nghèo mặc áo lính – có sự đồng cảm giai cấp.

+ Cơ sở thứ hai của tình đồng chí là chung nhiệm vụ, lí tưởng: Vì quê hương, đất nước, tự bốn phương trời xa lạ cùng về đứng trong hàng ngũ cách mạng, cùng chung một chiến hào. Với hình ảnh “súng”, “đầu” vừa thực vừa tượng trưng cho nhiệm vụ, lí tưởng; đồng thời kết hợp với điệp từ “bên” đã khẳng định giờ đây, anh và tôi đã có sự gắn kết trọn vẹn về lí trí, lí tưởng và mục đích cao cả. Đó là cùng chiến đấu giành độc lập cho tổ quốc.

+ Cơ sở thứ ba của tình đồng chí là chung gian khó: Tình đồng chí còn được nảy nở rồi gắn bó bền chặt khi họ cùng chia vui sẻ buồn, đồng cam cộng khổ. Hình ảnh “đêm rét chung chăn” rất giản dị mà vô cùng gợi cảm, chỉ 1 từ “chung” duy nhất cho ta thấy được nhiều điều: Chung gian khó, chung khắc nghiệt, chung thiếu thốn và đặc biệt là chung hơi ấm để vượt qua khó khăn, để họ trở thành tri kỉ. Câu thơ đầy ấp kỉ niệm và ấm áp tình đồng chí, đồng đội.

+ Chính Hữu thật tài tình khi tình đồng chí được thể hiện ngay trong cách sắp xếp trật tự từ “anh”, “tôi”: từ chỗ đứng tách riêng trên 2 dòng thơ rồi cùng song hành trong dòng thơ thứ ba, và rồi không còn phân biệt từng cá nhân nữa. Từ chỗ là “đôi người xa lạ”, họ đã “quen nhau”, đứng cùng nhau trong cùng một hàng ngũ, nhận ra nhau là “đôi tri kỉ” để rồi vỡ òa trong một thứ cảm xúc mới mẻ, thiêng liêng “đồng chí”.

+ Câu thứ bảy “Đồng chí!” là câu đặc biệt, cảm thán, câu thơ tuy chỉ có hai từ nhưng đã trở thành bản lề gắn kết cả bài thơ. Hai tiếng “đồng chí” đứng tách riêng thành một dòng thơ đặc biệt như một kết luận, một phát hiện, một điểm nhấn về một thứ tình cảm mới mẻ, thiêng liêng, vô cùng cao đẹp – tình đồng chí. Đến đây, ta hiểu rằng đồng cảnh, đồng ngũ, đồng nhiệm, đồng cảm sẽ trở thành đồng chí. Đồng chí – chính là sự kết tinh giữa tình bạn và tình người.



- Tổng kết: Như vậy, chỉ với 7 câu thơ – Chính Hữu đã nêu lên cơ sở của tình đồng chí – tình cảm cao quý, thiêng liêng, sức mạnh tinh thần để người lính vượt qua mọi gian khổ để quyết tâm chiến đấu và chiến thắng.

### 3. Đề thi HK1 Môn Ngữ Văn 9 số 3

TRƯỜNG THCS BÙI HỮU NGHĨA

ĐỀ THI HỌC KÌ 1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 9

Thời gian làm bài: 90 phút

#### I. Đọc – hiểu văn bản (5.0 điểm)

**Câu 1 (2.0 điểm):** Nêu các hình thức trau dồi vốn từ? Cho ví dụ minh họa.

**Câu 2 (3.0 điểm):** Đọc đoạn thơ sau và trả lời yêu cầu ở dưới.

“Không có kính không phải vì xe không có kính  
Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi  
Ung dung buồng lái ta ngồi  
Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.  
Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng  
Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim  
Thấy sao trời đột ngột cánh chim  
Như sa như ùa vào buồng lái.  
Không có kính, ừ thì có bụi  
Bụi phun tóc trắng như người già  
Chưa cần rửa, phèo chàm điếu thuốc  
Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha.  
Không có kính, ừ thì ướt áo  
Mưa tuôn mưa xối như ngoài trời  
Chưa cần thay, lái trăm cây số nữa  
Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi”.

- Đoạn thơ trên, thuộc bài thơ nào? Của nhà thơ nào?
- Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào?
- Đoạn thơ thể hiện nội dung gì?

#### II. Phần tạo lập văn bản (5.0 điểm)

**Đề:** Hãy tưởng tượng em được gặp gỡ và trò chuyện với anh bộ đội Cụ Hồ trong tác phẩm “Đồng chí” của tác giả Chính Hữu. Viết bài văn kể lại cuộc gặp gỡ và trò chuyện đó.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI HK1 SỐ 3

MÔN: NGỮ VĂN 9

## I. Phần Đọc - hiểu văn bản:

### Câu 1:

- Rèn luyện để biết thêm những từ chưa biết, làm tăng vốn từ là việc thường xuyên phải làm để trau dồi vốn từ.
- Rèn luyện để nắm thật đầy đủ và chính xác nghĩa của từ và cách dùng từ là việc rất quan trọng để trau dồi vốn từ.

### Câu 2:

#### a. Gợi ý:

- Đoạn thơ trên thuộc bài: Bài thơ về tiểu đội xe không kính.
- Cửa nhà thơ Phạm Tiến Duật.

#### b. Thể thơ: Kết hợp linh hoạt thể thơ 7 chữ và 8 chữ.

c. Đoạn thơ thể hiện : Hình ảnh những chiếc xe không kính. Bom đạn của chiến tranh ác liệt thời đó đã khiến cho những chiếc xe không chỉ không có kính mà còn trần trụi hơn nữa không có đèn, không có mui xe, thùng xe có xước.

- Đồng thời cho thấy người chiến sĩ lái xe có thái độ ung dung, lạc quan đã bình thản coi thường mọi khó khăn, nguy hiểm và gian khổ.

## II. Phân tạo lập văn bản:

### a. Về nội dung:

- Đáp ứng đúng mục đích và yêu cầu của bài văn tự sự; tưởng tượng và kể lại cuộc gặp gỡ, trò chuyện của mình với những anh bộ đội Cụ Hồ trong bài thơ Đồng chí của tác giả Chính Hữu.
- Qua bài thơ về tình đồng chí, hiện lên vẻ đẹp bình dị mà cao cả của người lính cách mạng, cụ thể ở đây là anh bộ đội hồi đầu cuộc kháng chiến chống Pháp.
- Trách nhiệm của bản thân đối với quê hương, đất nước.

### b. Về hình thức:

- Viết đúng bài văn tự sự, có yếu tố biểu cảm, miêu tả nội tâm và yếu tố nghị luận; đủ bố cục ba phần; đảm bảo tính hoàn chỉnh;
- Diễn đạt, lập luận chặt chẽ, hợp lý; sắp xếp ý, dẫn chứng hợp lý; làm sáng tỏ vấn đề; chữ viết rõ ràng; đúng chuẩn chính tả, ngữ pháp.

### c. Dàn ý:

#### - Mở bài:

+ Giới thiệu về hoàn cảnh dẫn đến cuộc gặp gỡ giữa em và anh bộ đội trong tác phẩm “Đồng chí” của tác giả Chính Hữu.

+ Suy nghĩ chung của em về anh bộ đội Cụ Hồ trong cuộc kháng chiến chống Pháp khi gặp anh bộ đội, nhân vật trong bài thơ: Hình ảnh anh bộ đội Cụ Hồ thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp là hình ảnh đẹp, biểu tượng đẹp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam.

+ Giới thiệu giới hạn vấn đề: Bài thơ nằm trong chương trình Ngữ văn lớp 9 tập 1.

#### - Thân bài:



+ Anh bộ đội xuất thân từ nông dân; họ yêu quê hương mình tha thiết, nhớ quê hương đến quận lòng khi phải xa quê nhưng họ vẫn sẵn sàng bỏ lại những gì quý giá, thân thiết của cuộc sống nơi làng quê để ra đi vì nghĩa lớn.

+ Trích dẫn các câu thơ có liên quan trong việc cảm nhận, phân tích các từ ngữ, hình ảnh (các biện pháp nghệ thuật).

+ Những người lính cách mạng trải qua nhiều gian lao, thiếu thốn tột cùng, đó là những cơn sốt run người, trang phục mỏng manh giữa mùa đông giá lạnh. Nhưng gian lao thiếu thốn càng làm nổi bật vẻ đẹp của anh bộ đội, làm sáng lên nụ cười của người lính (sốt run người, cơn ớn lạnh, áo rách, quần vá, chân không giày, miệng cười buốt giá); những chi tiết về cuộc sống gian khổ, thiếu thốn của người lính được tác giả miêu tả rất thật, không tô vẽ cường điệu, được chọn lọc nên vừa chân thực vừa có sức gợi cảm cao.

+ Tình đồng chí, đồng đội sâu sắc, thấm thiết: sự cảm thông, chia sẻ, kề vai sát cánh hoàn thành nhiệm vụ.

+ Sức mạnh của tình đồng chí, đồng đội.

+ Học sinh tưởng tượng, cảm nhận về sự gắn kết giữa ba hình ảnh: Khẩu súng, vàng trắng và người lính giữa rừng hoang sương muối.

+ Hình ảnh đầu súng trắng treo là hình ảnh được nhận ra từ những đêm hành quân, phục kích giặc của chính tác giả nhưng hình ảnh ấy còn mang ý nghĩa biểu tượng, được gọi ra từ những liên tưởng phong phú hay đó chính là sự kết hợp giữa chất hiện thực và cảm hứng lãng mạn.

+ Bài học về lẽ sống, niềm tin, tình đồng đội, tình yêu Tổ quốc.

#### - Kết bài:

+ Kết thúc cuộc gặp gỡ và trò chuyện.

+ Tác dụng to lớn của văn học: giúp chúng ta cảm nhận được những tình cảm tốt đẹp của con người, hiểu sâu sắc ý nghĩa của cuộc sống, thấy rõ hơn trách nhiệm của mỗi người đối với xã hội, đối với cuộc đời.

## 4. Đề thi HK1 Môn Ngữ Văn 9 số 4

### TRƯỜNG THCS GIO HẢI

ĐỀ THI HỌC KÌ 1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 9

Thời gian làm bài: 90 phút

#### Phần I. Tiếng Việt: (2.0 điểm)

Khoanh tròn các đáp án em cho là đúng:

**Câu 1.** Các thành ngữ: “nửa úp nửa mở, nói nước đôi” liên quan đến phương châm hội thoại nào?

- A. Phương châm về chất
- B. Phương châm về lượng
- C. Phương châm quan hệ
- D. Phương châm cách thức

**Câu 2.** Khi chuyển đổi lời dẫn trực tiếp sang lời dẫn gián tiếp ta không cần lưu ý điều gì:

- A. Bỏ dấu hai chấm và dấu ngoặc kép
- B. Có thể thêm “rằng” hoặc “là” trước lời dẫn
- C. Có thể lược bỏ 1 số từ ngữ không cần thiết
- D. Không cần lược bỏ từ ngữ nào

**Câu 3.** Các cụm từ sau cụm từ nào không phải là điển tích điển cố :

- A. Núi Vọng phu .
- B. Cỏ Ngưu mã.
- C. Lòng chim dạ cá .
- D. Ngọc Mị Nương.

**Câu 4.** Khi giao tiếp phải tuân thủ mấy phương châm hội thoại?

- A. Một;
- B. Hai;
- C. Bốn;
- D. Năm

**Câu 5.** Từ “đầu” trong dũng nào sau đây được dùng theo nghĩa gốc?

- A. Đầu bạc răng long.
- B. Đầu sừng trắng treo.
- C. Đầu non cuối bể.
- D. Đầu súng ngọn giú.

**Câu 6.** Trong các từ sau từ nào là từ láy?

- A. Tươi tốt
- B. Rỗ rỗ
- C. Lao xao
- D. Bọt bọt

**Câu 7.** Thành ngữ nào có nội dung được giải thích như sau: dung túng, che chở cho kẻ xấu, kẻ phản trắc?

- A. Mỡ để miệng mèo
- B. Nuôi ong tay áo
- C. Éch ngồi đáy giếng
- D. Cháy nhà ra mặt chuột

**Câu 8.** Thành ngữ “ăn ốc nói mò” mang nét nghĩa nào trong những nét nghĩa sau:

- A. Nói nhằm nhí vu vơ
- B. Nói hồ đồ không có căn cứ
- C. Nói bịa đặt vu khống

D. Nói ba hoa khoác lác

## Phần II. Đọc hiểu văn bản (3.0 điểm)

Cho đoạn văn :

“Cần tạo cho trẻ em cơ hội tìm, biết được nguồn gốc lai lịch của mình và nhận thức được giá trị của bản thân trong một môi trường mà các em thấy là nơi nương tựa an toàn thông qua gia đình hoặc những người khác trông nom các em tạo ra. Phải chuẩn bị để các em có thể sống một cuộc sống có trách nhiệm trong một xã hội tự do. Cần khuyến khích trẻ em ngay từ lúc còn nhỏ tham gia vào sinh hoạt văn hóa xã hội.”

(Theo SGK Ngữ văn 9 học kì I -NXB GD Việt Nam)

**Câu 1.** Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? Thuộc phần nào của văn bản?

**Câu 2.** Đoạn văn có câu “Phải chuẩn bị để các em có thể sống một cuộc sống có trách nhiệm trong một xã hội tự do”. Theo em hiểu “một cuộc sống có trách nhiệm” của trẻ em là gì ?

**Câu 3.** Nhận thức được tầm quan trọng của chăm sóc và bảo vệ trẻ em Đảng, nhà nước ta đã thể hiện sự quan tâm bằng những việc làm nào? (kể 2-3 việc làm cụ thể).

**Câu 4.** Từ những nhiệm vụ đặt ra cho mọi người trong đoạn văn. Liên hệ với bản thân em, nếu chứng kiến ở đâu đó trong cuộc sống những hành vi ngược đãi, bạo hành đối với trẻ em, lúc ấy em sẽ làm gì?

## Phần III. Tập làm văn: (5.0 điểm)

Giới thiệu về chiếc quạt giấy - một đồ vật gần gũi trong cuộc sống con người.

### HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI HK1 SỐ 4

#### MÔN: NGỮ VĂN 9

### Phần I. Tiếng việt: (2.0 điểm)

1 – D, 2 – D, 3 – C, 4 – D, 5 – A, 6 – C, 7 – B, 8 – A.

### Phần II: Đọc hiểu văn bản (3.0 điểm)

**Câu 1.** Đoạn văn trích trong văn bản “Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em”. Đoạn văn thuộc phần cuối của văn bản (phần nhiệm vụ).

**Câu 2.** Em hiểu “một cuộc sống có trách nhiệm” của trẻ em là: Trẻ em tự ý thức được các suy nghĩ, hành động, việc làm của mình một cách đúng đắn theo chuẩn mực đạo đức xã hội. Biết tự điều chỉnh bản thân, biết yêu thương chia sẻ... với người khác, không chỉ sống cho riêng mình mà còn cho gia đình, xã hội.

**Câu 3.** Những việc làm của Đảng, nhà nước ta: xây dựng những nhà văn hóa thiếu nhi, những làng trẻ SOS, những trường học, bệnh viện nhi, tổ chức cho trẻ vui tết trung thu hàng năm, vui ngày quốc tế 1/6...

**Câu 4.** Bản thân em nếu chứng kiến đâu đó trong cuộc sống những hành vi ngược đãi, bạo hành đối với trẻ em, lúc ấy em sẽ:

- Lên tiếng đấu tranh, giải thích cho họ hiểu đó là hành vi vi phạm quyền trẻ em.
- Gọi những người xung quanh đến can thiệp.
- Tìm cách báo cho chính quyền địa phương gần nhất.
- > Học sinh có thể có cách xử lí phù hợp vẫn cho điểm.

### Phần III. Tập làm văn: (5.0 điểm)

**a. Mở bài:** Giới thiệu rõ vai trò, ý nghĩa của cái quạt giấy trong đời sống người Việt Nam.

**b. Thân bài:** Lần lượt giới thiệu các nội dung: nguồn gốc, họ hàng, đặc điểm cấu tạo, công dụng và giá trị sử dụng của quạt giấy. Cụ thể:

- Nguồn gốc: Có lẽ quạt giấy xuất hiện từ rất xa xưa khi con người không chỉ có nhu cầu làm mát mà còn làm duyên, làm dáng. Nó vừa gọn nhẹ vừa đòi hỏi bàn tay người thợ thủ công khéo léo chứ không quá đơn giản như quạt lá, quạt mo.

- Chủng loại: Quạt giấy cũng có nhiều loại, phù hợp với từng đối tượng sử dụng. Thông dụng nhất là quạt giấy dành cho các bà các mẹ đi chợ, đi làm, hay lên chùa cúng phật; quạt thóc, quạt lúa cho bà con nông dân mỗi độ mùa màng. Bên cạnh đó còn có cả quạt giấy dành cho công tử cô nương con nhà giàu; quạt dành cho biểu diễn nghệ thuật; quạt đánh để trang trí phòng khách...

- Cấu tạo thông thường quạt giấy gồm hai phần:

+ Phần nan: (Phần khung) Thường làm bằng nứa hoặc tre chẻ mỏng, vót nhọn. Thông thường mỗi chiếc quạt giấy có 15->17 nan quạt (dể quạt), hai nan ngoài cùng gọi là nan cái to và chắc chắn hơn. Trung bình nan quạt dài từ 25->30 cm một đầu được gắn với nhau bằng đinh vít giúp quạt xoè ra hình bán nguyệt hoặc gấp lại dễ dàng.

+ Phần giấy: là phần quan trọng tạo nên giá trị của quạt; gồm hai lớp giấy dính với nhau thông qua lớp hồ dán, đồng thời ôm khít phần nan ở giữa. Người ta thường chọn loại giấy vừa bóng, đẹp vừa bền dai. trên bề mặt in đủ các hình ảnh đẹp mắt như phong cảnh quê hương hay bài thơ trữ tình hoặc những hình rồng phượng... sao cho phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng. Ngày nay quạt giấy còn được cách tân làm bằng nhiều chất liệu khác nhau như vải lụa, von mềm hoặc làm bằng gỗ ép, nhựa cao cấp với đủ mà sắc sặc sỡ, diêm dúa khác nhau.

- Giá trị sử dụng: Quạt sinh ra chủ yếu để làm mát cho con người, thế nhưng giá trị của nó lại rất lớn. Nó được coi là đồ vật vừa tiện ích, vừa gọn nhẹ, đồng hành cùng con người trong những ngày nắng nóng. Con người đi bất cứ nơi đâu quạt cũng đi theo làm bạn, giúp con người vui đi bao vất vả mệt nhọc, đỡ dần con người quạt thóc rê lúa được sạch hơn. Quạt còn là đồ vật làm duyên cho các cô thôn nữ, tôn thêm vẻ đẹp cao sang quý phái cho các công tử cô nương con nhà quyền quý. Quạt còn giúp cho các điệu múa thêm nhịp nhàng uyển chuyển, tôn thêm vẻ thâm trầm cổ kính cho phòng khách. Quạt còn dùng làm vật lưu niệm làm quà tặng nhau mỗi khi con người đi xa, về gần...

- Bảo quản quạt dễ dàng, đơn giản. Khi sử dụng cần nhẹ nhàng, tránh làm rách giấy hoặc gãy nan quạt, sử dụng xong gấp lại cẩn thận, cất nơi khô ráo để quạt dùng được bền lâu.

**c. Kết bài:** Nhấn mạnh giá trị, sự tiện ích của quạt giấy trong cuộc sống hiện tại.

## 5. Đề thi HK1 Môn Ngữ Văn 9 số 5

TRƯỜNG THCS NGUYỄN THỊ MINH KHAI

ĐỀ THI HỌC KÌ 1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 9

Thời gian làm bài: 90 phút

### Câu 1. (2.0 điểm)

a. Hãy giải thích nhan đề “Truyện kì mạn lục”.

b. Tóm tắt ngắn gọn (khoảng 10 câu) cốt truyện “Chuyện người con gái Nam Xương”.

**Câu 2. (3.0 điểm)** Đọc câu thơ sau rồi thực hiện các yêu cầu:

[...] Kiều càng sắc sảo, mặn mà,

....

(Ngữ Văn 9, tập 1, trang 81 – NXB Giáo dục, 2007)

a. Chép theo trí nhớ 7 câu thơ tiếp của đoạn trích.

b. Đoạn thơ em vừa chép trích từ văn bản nào? Thuộc tác phẩm nào? Tác giả là ai?

c. Viết đoạn văn khoảng 5 câu nêu ngắn gọn nội dung đoạn thơ trên trong đó có dùng một lời dẫn trực tiếp (Chỉ rõ lời dẫn trực tiếp trong đoạn văn).

**Câu 3. (5.0 điểm)**

Phân tích tâm trạng của Thúy Kiều trong tám câu thơ cuối của đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích (trích Truyện Kiều - Nguyễn Du)

### HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI HK1 SỐ 5

#### MÔN: NGỮ VĂN 9

**Câu 1:**

a. Hãy giải thích nhan đề “Truyện kì mạn lục”:

- Lục là ghi chép.

- Mạn là tản mạn.

- Kì là kì ảo.

- Truyện là lưu truyền.

-> Vậy nhan đề “Truyện kì mạn lục” là ghi chép một cách tản mạn những điều hoang đường kì ảo được lưu truyền trong dân gian.

b. Tóm tắt:

- Vũ Thị Thiết (còn gọi là Vũ Nương) quê ở Nam Xương, là người con gái thùy mị, nết na, tư dung tốt đẹp. Chồng nàng là Trương Sinh, con nhà khá giả nhưng không có học và có tính đa nghi, hay ghen.

- Cuộc sống gia đình đang êm ấm thì chàng Trương Sinh phải đầu quân đi đánh giặc. Ít ngày sau, Vũ Nương sinh con trai, đặt tên là Đản. Bà mẹ Trương Sinh vì nhớ con mà sinh bệnh, nàng hết lòng chăm sóc nhưng được ít lâu là bà mất.

- Giặc tan, Trương Sinh trở về, bé Đản không chịu gọi chàng là cha mà một mực nói cha Đản thường buổi tối mới đến. Trương Sinh nghi ngờ vợ thất tiết, Vũ Nương không minh oan được, bèn gieo mình xuống sông Hoàng Giang tự vẫn.

- Một đêm, thấy bóng cha trên tường, bé Đản gọi đó là cha, lúc bấy giờ Trương Sinh mới tỉnh ngộ nhưng đã quá muộn.

- Cùng làng với Vũ Nương có người họ Phan, có lần cứu được thần rùa Linh Phi, vợ vua Nam Hải, sau bị nạn đắm thuyền được Linh Phi cứu mạng, rồi được khoản đãi. Trong bữa tiệc, Phan Lang nhận ra Vũ Nương nay đã là người thủy cung. Nghe Phan Lang kể chuyện nhà, Vũ Nương thương nhớ chồng con muốn về dương thế. Nàng nhờ Phan Lang nói với Trương Sinh lập đàn giải oan, nàng sẽ trở về. Nhưng cuối cùng, Vũ Nương chỉ hiện lên giữa dòng sông, nói vài câu với chồng rồi biến mất.

**Câu 2:**

a. Chép theo trí nhớ chính xác 7 câu thơ tiếp của đoạn trích:

“So bề tài sắc lại là phần hơn  
Làn thu thủy, nét xuân sơn,  
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.  
Một hai nghiêng nước nghiêng thành,  
Sắc đành đòi một tài đành họa hai.  
Thông minh vốn sẵn tính trời,  
Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm”.

(Ngữ Văn 9, tập 1, trang 81)

b. Đoạn thơ em vừa chép trích từ văn bản: “Chị em Thúy Kiều”.

- Thuộc tác phẩm Truyện Kiều.
- Tác giả là Nguyễn Du.

c. Nội dung: Nhan sắc: Kiều có vẻ đẹp vừa sắc sảo, lộng lẫy, vừa mặn mà, duyên dáng, yêu kiều. Nàng quả là một trang tuyệt thế giai nhân làm say đắm, chinh phục lòng người. Tài năng: Kiều không chỉ đẹp mà còn rất đa tài: Tài năng của Kiều đã đạt tới mức lí tưởng. Làm thơ, vẽ tranh, ca ngâm, âm nhạc, mọi thứ Kiều đều tỏ ra thành thạo, chuyên nghiệp.

**Câu 3:****a. Yêu cầu về kĩ năng:**

- Học sinh phải xác định được đây là kiểu bài nghị luận văn học: Phân tích cảm nhận thơ. Cho nên biết vận dụng nhiều thao tác trong khi làm bài như phân tích, đánh giá, nhận xét, trích dẫn thơ hợp lí...
- Bố cục phải rõ ràng, chặt chẽ, văn phong trôi chảy và có chất văn.

**b. Yêu cầu về kiến thức:****- Mở bài:**

- + Giới thiệu về tác giả, tác phẩm, đoạn trích.
- + Nêu khái quát được tâm trạng buồn đau, lo sợ, hãi hùng của Kiều qua nghệ thuật tả cảnh ngụ tình.

- **Thân bài:** Phân tích 8 câu thơ cuối thể hiện tâm trạng buồn đau, lo sợ, hãi hùng của Kiều. Đoạn thơ gồm 4 cặp câu lục bát. Mỗi cặp câu làm hiện lên một bức tranh cảnh vật. Mỗi bức tranh cảnh vật đồng thời là một ẩn dụ về cảnh ngộ và tâm trạng nàng Kiều.

“Buồn trông cửa bể chiều hôm

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa”

- + Trước mắt người đọc là bức tranh cửa bể rộng lớn lúc hoàng hôn.
- + Hình ảnh “thuyền ai” đơn độc gợi ra thân phận nàng Kiều khi xa nhà, xa quê, bơ vơ, trợ trợ, lênh đênh chẳng cặp được bến bờ nào.
- + Cảnh vật trong câu thơ vì thế góp phần thể hiện tâm tư nàng Kiều. Đó là tâm tư buồn - nỗi buồn da diết vì quê nhà xa cách, vì đơn chiếc, lẻ loi.



“Buồn trông ngọn nước mới sa  
Hoa trôi man mác biết là về đâu”

+ Cảnh trong hai câu thơ này là hoa trôi mặt nước. Thấy “hoa” mà không thấy đẹp. Từ “trôi” chỉ sự vận động, rời chuyển nhưng là vận động chuyển trong thế thụ động.

+ Những cánh hoa rơi trôi nổi, phiêu dạt gọi ra số kiếp mỏng manh của Kiều giữa bể trời dài rộng.

+ Trước dòng đời chảy trôi, mệnh mông, vô định, Kiều nhìn hoa như cũng thấy hoa buồn! Từ “man mác” hoa nhưng lại gọi nổi chán chường, thất vọng của nhân vật trữ tình – Thúy Kiều.

“Buồn trông nội cỏ rầu rầu  
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh”

+ Cảnh trong hai câu thơ là “nội cỏ rầu rầu”. “Rầu rầu” vốn là từ láy tả tâm trạng được Nguyễn Du để tả màu sắc. Trải dài trong một không gian như vô tận, nối liền từ “mặt đất” tới “chân mây” là màu xanh nhạt nhạt và héo hắt. Bức tranh một cỏ vì thế cảm thật u ám!

+ Kiều thất vọng và mất phương hướng, không biết thoát ra bằng cách nào- đây vừa là tâm trạng vừa là cảnh ngộ của nàng khi đó.

“Buồn trông gió cuốn mặt duềnh  
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”

+ Cảnh trong hai câu thơ là cảnh giông bão, sóng gió. Âm thanh bây giờ mới xuất hiện nhưng không phải âm thanh sự sống mà là tiếng thét gào của “sóng kêu”, “gió cuốn”, “ầm ầm”, dữ dội. Chối với giữa cái bất tận, sôi sục cả ở quanh Kiều, cả trong lòng Kiều.

+ Nàng Kiều như đang đứng trước tai ương dữ dội. Hiểm nguy như đang dồn đuổi, vây bủa quanh nàng chờ thời cơ là nhấn xuống.

+ Còn lòng Kiều thì như lớp lớp sóng dồn - lớp sóng của buồn đau, hãi hùng, lo sợ. Tiếng “sóng kêu” còn là tiếng kêu thương đờn độc của một kiếp hoa bị vùi dập!

- **Kết bài:** Khái quát lại nội dung và nghệ thuật đoạn thơ.

## 6. Đề thi HK1 Môn Ngữ Văn 9 số 6

TRƯỜNG THCS PHẠM VIỆT CHÁNH

ĐỀ THI HỌC KÌ 1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 9

Thời gian làm bài: 90 phút

### Phần I: (6.5 điểm)

Tình bà cháu là tình cảm vô cùng gần gũi và thiêng liêng. Trong bài thơ “Bếp lửa” nhà thơ Bằng Việt đã viết:

“Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa  
Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ  
Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm  
Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm

Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi  
 Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui  
 Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ  
 Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa!

(Trích Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục, 2005)

1. Đoạn thơ trên có hai hình ảnh đã xuất hiện ở khổ đầu tiên. Đó là những hình ảnh nào? Việc lặp lại như vậy có tác dụng gì? (1.0 điểm)
2. Xét về cấu tạo, từ “lặn đận” trong câu thơ trên thuộc từ loại nào? Giải thích nghĩa của từ đó. (1.0 điểm)
3. Trong chương trình Ngữ văn 9 cũng có một văn bản sử dụng cụm từ “mây nắng mưa”. Hãy chép lại một câu thơ có chứa cụm từ này và ghi rõ tên văn bản đó. (1.0 điểm)
4. Viết một đoạn văn nghị luận theo phép lập luận diễn dịch khoảng 12 câu phân tích đoạn thơ trên để làm rõ những suy ngẫm của người cháu về bà và về bếp lửa. Trong đoạn văn có sử dụng câu ghép và lời dẫn trực tiếp (gạch chân và chú thích). (3.5 điểm)

## Phần II: (3.5 điểm)

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“... Anh hạ giọng, nửa tâm sự, nửa đọc lại một điều rõ ràng đã ngấm ngấm nhiều:

- Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt, nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, cháu cũng nghĩ ngay ngôi sao kia lẻ loi một mình. Bây giờ làm nghề này cháu không nghĩ như vậy nữa. Vả, khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất...”

(Trích Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục, 2005)

1. Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? Của ai? (0.5 điểm)
2. Đoạn văn trên là lời của ai nói với ai? Nói trong hoàn cảnh nào? Qua tâm sự “công việc của cháu khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất”, em cảm nhận được vẻ đẹp gì của nhân vật “cháu”? (1.0 điểm)
3. Từ vẻ đẹp của nhân vật “cháu” trong văn bản trên và những hiểu biết xã hội, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 2/3 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ về sự cống hiến của thế hệ trẻ hiện nay. (2.0 điểm)

## HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI HK1 SỐ 6

### MÔN: NGỮ VĂN 9

#### Phần I

##### Câu 1:

- Hai hình ảnh Bếp lửa và Nắng mưa.
- Hai hình ảnh song song gắn bó với nhau, đó là hình ảnh tả thực, bà là người giữ lửa, nhóm bếp, yêu thương, vừa là hình ảnh biểu tượng bà là ngọn lửa của tình yêu thương, nhưng ở đó còn sự vất vả, khó nhọc mà bà đã gánh.

##### Câu 2:

- Lặn đận - từ láy.

- Nghĩa là chật vật, vất vả, gặp nhiều khó khăn, trắc trở.

**Câu 3:**

- Văn bản: Truyện Kiều - Nguyễn Du.

- Câu thơ:

Sân lai cách mấy nắng mưa  
Có khi gốc tử đã vừa người ôm

**Câu 4:**

Học sinh nắm chắc kiến thức viết đoạn văn và viết theo yêu cầu đề bài. Gợi ý:

**- Yêu cầu hình thức:**

- + Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng làm nghị luận văn học để tạo lập đoạn văn.
- + Đoạn văn khoảng 12 câu. Lùi đầu dòng, viết hoa chữ cái đầu tiên và không ngắt đoạn.
- + Có các phần: mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn; diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi diễn đạt, ngữ pháp, chính tả.

**- Yêu cầu nội dung:**

- + Đoạn văn xoay quanh nội dung: phân tích đoạn thơ trên để làm rõ những suy ngẫm của người cháu về bà và về bếp lửa.
- + Viết theo lối diễn dịch: câu chủ đề đặt ở đầu đoạn.
- + Sử dụng lời dẫn trực tiếp: câu dẫn trực tiếp dẫn nguyên văn và đặt trong ngoặc kép.
- + Sử dụng câu ghép: câu ghép là câu có hai hoặc nhiều vế chủ - vị và không bao chứa nhau.

**Phần II****Câu 1:**

Lặng lẽ Sa Pa - Nguyễn Thành Long

**Câu 2:**

- Anh thanh niên kể cho bác họa sĩ.
- Anh thanh niên thể hiện mình là người yêu công việc, gắn bó và có trách nhiệm với công việc của mình.

**Câu 3:****- Yêu cầu hình thức:**

- + Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng làm nghị luận xã hội để tạo lập đoạn văn.
- + Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

**- Yêu cầu nội dung:**

- + Vận dụng kiến thức xã hội để nghị luận về vấn đề sự cống hiến của thế hệ trẻ hiện nay.
- + Vận dụng các thao tác lập luận: giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận, so sánh, bác bỏ để nghị luận về đoạn văn.

**- Hướng dẫn cụ thể:**

+ Giải thích: cống hiến là tự nguyện dành hiến công sức của mình, đóng góp sức mình cho cộng đồng, xã hội.

+ Bàn luận:

- Cống hiến vô cùng quan trọng, đừng hỏi tổ quốc đã làm gì cho ta, ta hãy hỏi ta đã làm gì cho tổ quốc hôm nay. Thế hệ trẻ Việt Nam đã cống hiến cho đất nước và tổ quốc, trong thời chiến và thời bình.
- Ngày hôm nay ta càng cần phải cống hiến, tự nguyện, có trách nhiệm, trên nhiều lĩnh vực: thanh niên tình nguyện, trên giảng đường, trong nhà máy...
- Bên cạnh đó có 1 bộ phận thanh niên chưa xác định được tinh thần cống hiến, còn ích kỷ, chỉ biết đến bản thân mình.

+ Bài học: Cần cố gắng, cần xác định vị trí, khả năng đóng góp của mình cho xã hội, cho cộng đồng.

## 7. Đề thi HK1 Môn Ngữ Văn 9 số 7

### TRƯỜNG THCS PHÚ HƯNG

**ĐỀ THI HỌC KÌ 1**  
**NĂM HỌC: 2020 – 2021**  
**MÔN: NGỮ VĂN 9**  
**Thời gian làm bài: 90 phút**

#### PHẦN I (6.0 điểm)

Trong bài thơ “Bếp lửa”, nhà thơ Bằng Việt có viết:

“Cháu thương bà biết mấy nắng mưa”

Rồi sau đó, nhà thơ nhớ lại những kỉ niệm đầy xúc động gắn liền với hình ảnh bà và tình bà cháu:

“Mẹ cùng cha công tác bận không về  
Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe.  
Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học.  
Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc,  
Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà  
Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?”

1. Nêu hoàn cảnh ra đời của bài thơ.
2. Hình ảnh “nắng mưa” trong câu thơ “cháu thương bà biết mấy nắng mưa.” sử dụng nghệ thuật nào? Tác dụng của việc sử dụng nghệ thuật đó? Chép chính xác một câu thơ khác trong bài cũng có hình ảnh này.
3. Cũng trong bài thơ, giặc đốt làng “cháy tàn cháy rụi” nhưng bà dặn cháu khi viết thư cho bố ở chiến khu “chớ kể này, kể nọ”, “cứ bảo nhà vẫn được bình yên!” Phương châm hội thoại nào đã không được tuân thủ trong lời dặn của bà? Qua lời dặn đó, em hiểu thêm gì về những phẩm chất cao đẹp của bà?
4. Em hãy viết một đoạn văn khoảng 12 câu theo cách lập luận tổng hợp - phân tích - tổng hợp nêu cảm nhận của em về tình bà cháu qua khổ thơ trên, trong đó sử dụng phép nối để liên kết và một câu phủ định (gạch dưới từ ngữ dùng làm phép nối và câu phủ định).

**PHẦN II (4.0 điểm)**

Dưới đây là lời tâm sự của nhân vật chính trong một truyện ngắn giàu chất trữ tình:

..... “Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất.”

(*Lặng lẽ Sa Pa - Nguyễn Thành Long - SGK Ngữ văn 9, tập một*)

1. Đây là lời tâm sự của nhân vật nào, được nói ra trong hoàn cảnh nào? Lời tâm sự đó giúp em hiểu thêm điều gì về nhân vật?
2. Ghi ra một câu nghi vấn được dùng trong đoạn trích. Ý nghĩa của câu văn đó là gì?
3. Từ tâm sự của nhân vật trong đoạn trích trên, cùng với những hiểu biết về xã hội, em hãy viết một đoạn văn nghị luận khoảng 2/3 trang giấy thi trình bày suy nghĩ của em về sức ảnh hưởng, lan tỏa của những tấm gương sống đẹp trong cuộc sống hôm nay.

**HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI HK1 SỐ 7****MÔN: NGỮ VĂN 9****PHẦN I****Câu 1:**

- Bài thơ được sáng tác năm 1963, khi tác giả đang là sinh viên học ngành luật ở Liên Xô.

**Câu 2:**

- Biện pháp nghệ thuật: ẩn dụ (“nắng mưa” ẩn dụ cho những vất vả, cực nhọc của đời bà).
- Tác dụng: làm cho lời thơ giàu giá trị biểu đạt, tăng sức gợi hình, gợi cảm cho hình ảnh thơ. Qua đó người đọc cảm nhận rõ nét những vất vả, cực nhọc trong cuộc đời bà.

**Câu 3:**

- Phương châm về chất.
- Phẩm chất: bà là người thương yêu, luôn lo lắng cho con cháu. Vì muốn con yên tâm công tác, không bận tâm lo lắng việc quê nhà mà bà đã dặn dò cháu nói khác đi để bố yên tâm.

**Câu 4:**

Học sinh nắm chắc kiến thức viết đoạn văn và viết theo yêu cầu đề bài. Gợi ý:

**- Yêu cầu hình thức:**

- + Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng làm nghị luận văn học để tạo lập đoạn văn.
- + Đoạn văn khoảng 12 câu. Lùi đầu dòng, viết hoa chữ cái đầu tiên và không ngắt đoạn.
- + Có các phần: mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn; diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi diễn đạt, ngữ pháp, chính tả.

**- Yêu cầu nội dung:**

- + Đoạn văn xoay quanh nội dung: phân tích khổ thơ trên, tập trung thể hiện cảm nhận về tình bà cháu.
- + Viết theo lối tổng – phân – hợp: câu chủ đề đặt ở đầu đoạn và cuối đoạn có câu tổng hợp.
- + Sử dụng phép nối và câu phủ định.

**PHẦN II**

**Câu 1:**

- Lời của nhân vật anh thanh niên.
- Hoàn cảnh: anh đang kể cho mọi người nghe về cảm nghĩ của mình trong công việc.
- Anh thanh niên có những suy nghĩ đẹp về cuộc sống và công việc.

**Câu 2:**

- Câu nghi vấn: “Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được?”
- Ý nghĩa: câu nghi vấn không dùng để hỏi mà dùng để bộc lộ cảm xúc và khẳng định niềm vui trong công việc của anh thanh niên.

**Câu 3:**

Học sinh nắm chắc kiến thức viết đoạn văn và viết theo yêu cầu đề bài. Gợi ý:

**- Yêu cầu hình thức:**

- + Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng làm nghị luận xã hội để tạo lập đoạn văn.
- + Đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy thi. Lùi đầu dòng, viết hoa chữ cái đầu tiên và không ngắt đoạn.
- + Có các phần: mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn; diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi diễn đạt, ngữ pháp, chính tả.

**- Yêu cầu nội dung:** Đoạn văn xoay quanh nội dung: nghị luận về sức ảnh hưởng, lan tỏa của những tấm gương sống đẹp.

**- Hướng dẫn cụ thể:**

- + Giới thiệu vấn đề: những tấm gương sống đẹp trong đời sống hôm nay.
- + Giải thích vấn đề: “Sống đẹp” là sống có mục đích, có hoài bão, có ước mơ, có lí tưởng và có ý chí, nghị lực để thực hiện hoài bão.

=> Sống đẹp giúp con người đứng đầu, vượt qua hoàn cảnh không thuận lợi trong cuộc sống để đi đến với thành công; có lối sống sống mạnh mẽ, chủ động, tích cực, hết mình, dám nghĩ dám làm, dám đấu tranh với cái xấu, tiêu cực để tạo nên những thay đổi tốt đẹp hơn. Trong cuộc sống hôm nay có rất nhiều tấm gương sống đẹp đang ngày ngày làm cho đời sống tốt đẹp hơn.

**+ Phân tích, bàn luận vấn đề:**

- Sống khoan dung, yêu thương và quan tâm mọi người xung quanh.
- Sống đúng với lương tâm của mình, không đi ngược đạo lí làm người.
- Sống lạc quan, yêu đời.

**+ Ý nghĩa của sống đẹp:**

- Được mọi người yêu quý.
- Làm cho chúng ta cảm thấy yêu đời và thoải mái hơn.
- Giúp cuộc sống và xã hội tươi đẹp hơn.

**+ Làm thế nào để có đạo lí sống đẹp:**

- Sống phải biết nghĩ cho người khác.
- Phải biết cống hiến.
- Biết lựa chọn những giá trị đẹp để tiếp thu và học hỏi.
- Phê phán những bạn trẻ chưa ý thức được nếp sống đẹp.



+ Liên hệ bản thân.

+ Tổng kết.

## 8. Đề thi HK1 Môn Ngữ Văn 9 số 8

### TRƯỜNG THCS SƠN ĐÔNG

ĐỀ THI HỌC KÌ 1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 9

Thời gian làm bài: 90 phút

**Câu 1: (3.0 điểm)** Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

Mẹ tôi bảo:

“Con sống không nhất thiết phải làm vừa lòng tất cả bạn bè, và chắc chắn tất cả bạn bè không bao giờ hài lòng hết về con, dù con có làm gì đi nữa. Nhưng con cũng đừng sống để bạn bè phải chọn cách xa lánh con, bởi vì:

Bố mẹ vì tình thương dành cho con có thể đối xử thiên vị với con. Nhưng bạn bè mới là người dạy cho con trưởng thành.

Bố mẹ là mái nhà của con, là nơi bình yên của con nhưng khi con ra ngoài, con không thể nào đơn độc được, con là gì cũng phải cần có bạn bè.

Gia đình là tài sản sẵn có của con, con sinh ra đã có một gia đình, nhưng bạn bè là “tài sản” phải do chính hai bàn tay con tạo dựng nên. Nếu con không tạo dựng được những “tài sản” mang tên bạn bè thì con chính là người thất bại!

Và nếu suốt cả đời con không thể có bạn tốt, thì điều đó không phải là lỗi của bạn mà là lỗi của chính con”.

(Mèo xù, “Bơ đi mà sống, NXB Văn học)

a. Cho biết nội dung của đoạn văn trên.

b. Hãy chỉ ra các từ ngữ xưng hô trong văn bản và nhận xét thái độ của người nói với người nghe trong cách xưng hô đó.

c. Theo em, cần làm gì để có thể xây dựng được một tình bạn đẹp? (Trả lời trong khoảng 3 đến 5 dòng)

**Câu 2: (3.0 điểm)** Dưới đây là nỗi lo lắng của không ít các phụ huynh về con em mình:

“Không biết nấu ăn, không biết nhặt rau, rửa chén, không biết giặt quần áo,... là điểm chung của việc “nghèo nàn” kinh nghiệm sống ở một bộ phận bạn trẻ hiện nay. Con đi học về, hôm thì: “Bộ quần áo này của con bẩn rồi, mẹ giặt cho con nhé”. Hôm thì: “Tại sao mẹ lại quên bỏ chai nước vào ba lô của con, để con khát khô cả họng?”

Nhiều hôm tôi bực mình với thái độ hờ hững của con kiểu như: “Món này con không thích, mẹ nấu món khác cho con ăn”. Đến chiếc xe đi học bị bẩn con cũng phải nhờ bố đi rửa. Thú thật có đôi lúc tôi nhận ra con chẳng biết làm gì ngoài cái việc học xuất sắc. Hằng năm con đều nhận danh hiệu học sinh giỏi, nhưng tôi không cảm thấy vui bởi lẽ con đang bị khuyết kỹ năng sống.”

(Ngọc Liên, báo Tuổi trẻ ngày 08/06/2015)

Hãy viết một văn bản nghị luận ngắn (25 - 30 dòng) trình bày suy nghĩ của em về thực trạng được nêu trong đề bài ở giới trẻ hiện nay.

**Câu 3: (4.0 điểm)**

Từ văn bản Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga (Trích truyện Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu), trong vai Kiều Nguyệt Nga, em hãy kể lại cuộc gặp gỡ của mình với Lục Vân Tiên.

**HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI HK1 SỐ 8**

**MÔN: NGỮ VĂN 9**

**Câu 1:**

a. Nội dung chính: ý nghĩa của tình bạn, vai trò của bạn bè trong cuộc đời của mỗi con người.

b. Gợi ý:

- Các từ ngữ xưng hô: mẹ, tôi, con.

- Thái độ của người nói với người nghe: tình yêu thương, sự dạy dỗ, khuyên bảo chân thành.

c. Gợi ý:

- Xuất phát từ tình cảm chân thành, không vụ lợi, tính toán.

- Sự thấu hiểu.

**Câu 2:**

- Giới thiệu vấn đề.

- Phân tích, bình luận, đánh giá:

+ Giải thích “kĩ năng sống”: Kỹ năng sống là tập hợp các hành vi tích cực và khả năng thích nghi cho phép mỗi cá nhân đối phó hiệu quả với các nhu cầu và thách thức của cuộc sống hàng ngày; nói cách khác là khả năng tâm lý xã hội. Đó là tập hợp các kỹ năng mà con người tiếp thu qua giáo dục hoặc trải nghiệm trực tiếp được dùng để xử lý các vấn đề và câu hỏi thường gặp trong đời sống con người.

+ Vai trò của việc rèn luyện kĩ năng sống:

- Cuộc sống hiện đại đòi hỏi mỗi cá nhân phải không ngừng cập nhật giá trị và hoàn thiện giá trị của mình. Để tồn tại và phát triển, với bất kì ai, không chỉ cần học tập bồi dưỡng, nâng cao kiến thức mà còn phải rèn luyện kĩ năng sống để không ngừng nâng cao chất lượng đời sống để đời sống thực sự là sống chứ không là tồn tại.
- Kỹ năng sống giúp con người ứng xử linh hoạt và hiệu quả nhất trước những tình huống nảy sinh trong cuộc sống.
- Kỹ năng sống giúp mỗi người bình tĩnh, tự tin vào bản thân, dám khẳng định năng lực, sở trường của mình.
- Những người có kĩ năng sống tốt thường dễ thành đạt hơn trong cuộc sống.
- Thực trạng thiếu hụt kĩ năng sống của giới trẻ hiện nay: không biết nấu ăn, không biết giặt quần áo,...

+ Nguyên nhân: Việc giáo dục kĩ năng sống cho trẻ chưa được xem trọng từ gia đình và nhà trường.

+ Bản thân mỗi người.

+ Đánh giá, liên hệ bản thân.

**Câu 3:**

**a. Yêu cầu hình thức:**

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản.
- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

**b. Yêu cầu nội dung:** Văn tưởng tượng kết hợp với yếu tố miêu tả nội tâm và nghị luận.

**c. Hướng dẫn cụ thể:****- Mở bài:**

- + Giới thiệu về bản thân.
- + Trên đường qua Hà Khê thì gặp bọn cướp.

**- Thân bài:**

- + Hoàn cảnh gặp cướp: Bọn cướp chặn đường, quát tháo, đòi vàng bạc.
- + Hình ảnh người anh hùng Lục Vân Tiên xuất hiện:
  - Một tiếng quát vang lên: Lũ côn đồ kia, hãy dừng tay lại.
  - Trận đánh nhau kết thúc rất nhanh.
  - Người con trai ấy đã dũng mãnh đánh bại tên cướp cầm đầu làm cho cả bọn nhào nhào chạy trốn.
- + Diễn biến cuộc nói chuyện:
  - Sau khi đánh bại bọn côn đồ Kim Liên vì quá sợ hãi mà khóc.
  - Chàng trai tiến lại gần xe, hỏi han và lịch sự bảo chúng tôi đừng lo sợ nữa vì bọn cướp đã bỏ chạy.
  - Chúng tôi nói chuyện và được biết danh tính chàng là Lục Vân Tiên. Tôi mời chàng về Hà Khê để trả ơn nhưng chàng từ chối và xin cáo biệt.

**- Kết bài:** Cảm nghĩ về cuộc gặp gỡ và người anh hùng Lục Vân Tiên.

**9. Đề thi HK1 Môn Ngữ Văn 9 số 9****TRƯỜNG THCS NGUYỄN THÁI BÌNH****ĐỀ THI HỌC KÌ 1****NĂM HỌC: 2020 – 2021****MÔN: NGỮ VĂN 9****Thời gian làm bài: 90 phút**

**Phần I (4.0 điểm)** Tại Hội nghị Thượng đỉnh Trái Đất tại Rio de Janeiro, cô bé 12 tuổi người Canada-Severn Cullí Suzuki đã có một bài phát biểu “khiến cả thế giới lặng im”. Dưới đây là một đoạn của bài phát biểu đó:

“Chúng tôi đến đây không có mục đích nào khác ngoài việc đấu tranh cho tương lai của chính mình... Tôi đến đây lên tiếng cho các thế hệ mai sau, lên tiếng cho những trẻ em đang chết đói trên khắp thế giới mà tiếng khóc cầu cứu không ai nghe thấy, lên tiếng cho muôn vàn động vật đang chết dần trên trái đất này vì chẳng còn nơi sinh sống. Giờ tôi sợ phải bước đi dưới ánh mặt trời vì những lỗ thủng trên tầng ozôn. Tôi sợ phải thở vì không biết không khí đang chứa những hóa chất nào. Ngày ngày, chúng ta đều nghe những tin về việc các loài động thực vật đang dần tuyệt chủng rồi biến mất mãi mãi. Tôi đã luôn mơ về những đàn thú hoang dã đông đúc, về những cánh rừng rậm và rừng mưa nhiệt đới đầy các loài

chim và bướm. Nhưng tôi tự hỏi, liệu con cái chúng tôi còn có cơ hội được nhìn thấy chúng nữa không?

**Câu 1:** Tác giả bài phát biểu - một cô bé 12 tuổi đã lên tiếng nhân danh cho những đối tượng nào? Qua đó em cảm nhận được những nét đáng quý nào ở cô bé?

**Câu 2:** Trong bài phát biểu, cô bé vừa xưng “tôi” vừa xưng “chúng tôi”. Theo em, điều đó có ý nghĩa gì?

**Câu 3:** Bài phát biểu của cô bé đã “khiến cả thế giới im lặng”. Bằng một đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy thi, hãy trình bày suy nghĩ của em về chủ đề “Biết lắng nghe để thấu hiểu”.

**Phần II (6.0 điểm)** Một trong những thành công của Nguyễn Du trong đoạn trích “Cảnh ngày xuân” (Truyện Kiều) là sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình.

**Câu 1:** Em hiểu thế nào là bút pháp tả cảnh ngụ tình?

**Câu 2:** Chép một câu thơ trong đoạn trích “Cảnh ngày xuân” có sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình và nêu ngắn gọn cảm nhận của em về câu thơ đó.

**Câu 3:** Trong đoạn trích cũng có những câu thơ tả cảnh thiên nhiên được coi là tuyệt bút:

Ngày xuân con én đưa thoi  
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi  
Cỏ non xanh tận chân trời  
Cảnh lê trắng điểm một vài bông hoa.

Bằng một đoạn văn theo phép lập luận tổng - phân - hợp khoảng 15 câu, em hãy phân tích làm rõ vẻ đẹp của bức tranh xuân trong đoạn thơ trên. Trong đoạn văn sử dụng câu cảm thán và phép tu từ so sánh. (Gạch chân câu cảm thán và phép tu từ so sánh được sử dụng).

### HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI HK1 SỐ 9

#### MÔN: NGỮ VĂN 9

#### Phần I

#### Câu 1:

- Cô bé 12 tuổi đã lên tiếng nhân danh cho:

+ Thế hệ mai sau.

+ Những trẻ em đang chết đói trên khắp thế giới.

+ Động vật đang chết dần trên trái đất.

- Những phẩm chất đáng quý của cô bé 12 tuổi: giàu tình yêu thương con người, động vật, thiên nhiên,...

#### Câu 2:

- Trong bài phát biểu, cô bé vừa xưng “tôi” vừa xưng “chúng tôi”: ý nói cô bé vừa phát biểu nêu lên ý kiến của mình lại vừa đại diện cho các đối tượng mà cô bé nhân danh.

#### Câu 3:

a. Nêu vấn đề: Biết lắng nghe để thấu hiểu.

b. Giải thích vấn đề:

- Lắng nghe là sự đón nhận và hiểu đúng, để giao tiếp cởi mở, để chọn lọc thông tin, thông qua cử chỉ, điệu bộ, lời nói và nét mặt thể hiện ngay lúc đó.

- Thấu hiểu là sự kết hợp trải nghiệm thế giới từ quan điểm của một người khác và cảm nhận theo quan điểm của người đó thì nó cũng đồng nghĩa với việc nếu bạn có khả năng thấu hiểu tốt, bạn có thể thấu hiểu thế giới từ nhiều quan điểm khác nhau.

=> Biết lắng nghe để thấu hiểu chính là đang tự tạo ra các mối quan hệ tốt đẹp trong cuộc sống của mình.

c. Bàn luận vấn đề:

- Ý nghĩa của lắng nghe và thấu hiểu:

+ Với cá nhân:

- Người biết lắng nghe và thấu hiểu cơ hội thành công trong cuộc sống sẽ cao hơn.
- Những mối quan hệ trong cuộc sống sẽ trở nên tốt đẹp hơn: gia đình, bạn bè, trường lớp.
- Cuộc sống sẽ tích cực, nhiều niềm vui hơn.

+ Với xã hội: sự lắng nghe và thấu hiểu của cá nhân góp phần thúc đẩy xã hội phát triển, tiến bộ.

- Biểu hiện của một người biết lắng nghe và thấu hiểu:

+ Có sự thiện chí khi trò chuyện, giao tiếp với người khác.

+ Biết tiếp thu các ý kiến để thay đổi bản thân và làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn.

+ Luôn biết nhìn nhận mọi sự việc trên phương diện khách quan và xem xét ở nhiều góc độ khác nhau.

+ Luôn lạc quan dù trong bất cứ hoàn cảnh nào.

+ Biết đồng cảm và chia sẻ, lắng nghe với những khó khăn của những người xung quanh.

- Phê phán những người bảo thủ, chưa biết lắng nghe và thấu hiểu.

d. Liên hệ bản thân.

## Phần II

### Câu 1:

- Bút pháp tả cảnh ngụ tình là bút pháp thông qua việc miêu tả cảnh vật (thiên nhiên, cuộc sống xung quanh) để khắc họa tâm trạng, cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật trữ tình.

- Đây là bút pháp đặc trưng của văn học trung đại

### Câu 2:

- Câu thơ tả cảnh ngụ tình trong đoạn trích “Cảnh ngày xuân”. “Nao nao dòng nước uốn quanh”: Thể hiện tâm trạng băng khuâng, luyến tiếc, xao xuyến về một buổi du xuân, sự linh cảm về những điều sắp xảy ra. Kiều sẽ gặp nấm mộ Đạm Tiên, gặp Kim Trọng.

### Câu 3:

#### a. Yêu cầu hình thức:

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản.

- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

**b. Yêu cầu nội dung:**

- Vị trí đoạn thơ.

- Phân tích:

+ Mở ra bằng cánh chim én: loài chim báo hiệu mùa xuân.

+ "đưa thoi": gợi tả sự đông đúc, hình ảnh những cánh chim chao lượn.

+ "Thiều quang": ánh sáng đẹp, ánh sáng của mùa xuân.

+ Thời gian của mùa xuân đã trôi đi quá nửa "đã ngoài sáu mươi".

=> Sự tiếc nuối khi mùa xuân đang dần qua.

+ Hình ảnh triền cỏ xanh trải dài mênh mông như đến tận chân trời.

+ Từ "tận": mãi đằng xa, lan ra tới mãi đường chân trời.

=> Thảm cỏ kéo dài vô tận, không dứt gợi tả vẻ đẹp xanh mát, tràn đầy sức sống của mùa xuân.

+ Điểm trên cỏ là hình ảnh của những bông lê trắng muốt.

=> Hai màu hòa quyện tạo nên sự sống động, đẹp đẽ vô cùng.

+ "trắng điểm": Đảo ngược từ để nhấn mạnh màu sắc nổi bật.

+ "Cành lê": Chủ thể được đảo lên đầu để nhấn mạnh hình ảnh đặc sắc.

=> Nghệ thuật chấm phá, dùng điểm tả diện

- Tổng kết.

**10. Đề thi HK1 Môn Ngữ Văn 9 số 10****TRƯỜNG THCS TĂNG BẠT HỒ**

**ĐỀ THI HỌC KÌ 1**

**NĂM HỌC: 2020 – 2021**

**MÔN: NGỮ VĂN 9**

**Thời gian làm bài: 90 phút**

**I. ĐỌC HIỂU (2.0 điểm)**

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

Quê hương anh nước mặn, đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá

Anh với tôi đôi người xa lạ

Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau.

Súng bên súng, đầu sát bên đầu

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ

Đồng chí!

**Câu 1.** Đoạn thơ trên trích từ văn bản nào?

A. Bếp lửa



- B. Đồng chí
- C. Bài thơ về tiểu đội xe không kính
- D. Đoàn thuyền đánh cá

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên là gì?

- A. Tự sự
- B. Miêu tả
- C. Biểu cảm
- D. Nghị luận

**Câu 3.** Xét về cấu tạo ngữ pháp, câu thơ “Đồng chí!” là kiểu câu gì?

- A. Câu đặc biệt
- B. Câu rút gọn
- C. Câu đơn
- D. Câu ghép

**Câu 4.** Nội dung chính của hai câu thơ sau là gì?

Quê hương anh nước mặn, đồng chua  
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá

- A. Miêu tả các vùng đất khác nhau của nước ta
- B. Nói lên sự khắc nghiệt của thiên nhiên
- C. Nói lên sự đối lập giữa các vùng miền của đất nước
- D. Nói lên hoàn cảnh xuất thân của những người lính

## II. LÀM VĂN (8.0 điểm)

### Câu 1. (3.0 điểm)

Câu thơ “Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ” đã thể hiện sự chia sẻ, gắn bó, yêu thương của những người lính. Từ hình ảnh đó kết hợp với những hiểu biết xã hội, hãy viết đoạn văn khoảng 10 câu nêu suy nghĩ của em về ý nghĩa của tình yêu thương đối với đời sống con người.

### Câu 2. (5.0 điểm)

Cảm nhận của em về vẻ đẹp của nhân vật Vũ Nương trong tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương” của tác giả Nguyễn Dữ (Ngữ văn 9 tập 1 – NXBGDVN 2016).

## HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI HK1 SỐ 10

### MÔN: NGỮ VĂN 9

#### I. ĐỌC HIỂU

- 1 – B
- 2 – C
- 3 – A
- 4 – D

## II. LÀM VĂN

### Câu 1:

Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng làm nghị luận văn học để tạo lập đoạn văn. Gợi ý:

#### - Yêu cầu hình thức:

- + Đoạn văn khoảng 10 câu. Lùi đầu dòng, viết hoa chữ cái đầu tiên và không ngắt đoạn.
- + Có các phần: mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn; diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi diễn đạt, ngữ pháp, chính tả.

- **Yêu cầu nội dung:** Đoạn văn xoay quanh nội dung: viết về sự sẻ chia, gắn bó, yêu thương của người lính qua đó viết về tình yêu thương đối với con người. Từ đó rút ra bài học cho bản thân về tình yêu thương trong cuộc đời.

#### - Hướng dẫn cụ thể:

- + Giới thiệu vấn đề: tình yêu thương trong đời sống con người.
- + Giải thích vấn đề: “Tình yêu thương” là tình cảm yêu thương, chia sẻ, gắn bó giữa con người với nhau -> đây là yếu tố làm nên cuộc sống tốt đẹp.
- + Phân tích, bàn luận vấn đề:
  - Tình yêu thương trong bài thơ “Đồng chí” thể hiện qua sự sẻ chia từ miếng cơm, manh áo, đến mảnh chăn giữa những đêm giá rét ở núi rừng Trường Sơn khắc nghiệt. Và chính những biểu hiện tốt đẹp đó đã kéo những người lính trở thành tri kỉ của nhau.
  - Tình yêu thương trong xã hội biểu hiện rất phong phú và đa dạng dưới nhiều hình thức: qua lời nói, cử chỉ hay những hành động âm áp.
  - Tình yêu thương xuất hiện ở mọi nơi: trong gia đình, trong nhà trường, trong những nơi công cộng. Sự sẻ chia yêu thương làm cho cuộc sống tốt đẹp và khiến chúng ta hạnh phúc hơn.
  - Mỗi người cần cho đi sự yêu thương nhiều hơn đối với mọi người, đặc biệt là những người kém may mắn.
  - Phê phán những người có lối sống ích kỉ, thiếu tình thương.

+ Liên hệ bản thân.

+ Tổng kết.

### Câu 2:

#### a. Yêu cầu hình thức:

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản.
- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

#### b. Yêu cầu nội dung:

##### - Mở bài:

- + Giới thiệu tác giả Nguyễn Dữ và tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương.
- + Dẫn dắt vấn đề nghị luận: nhân vật Vũ Nương người con gái thùy mị nét na, tư dung tốt đẹp, người vợ hiền con thảo nhưng bị hàm oan phải tự tử để bảo vệ danh tiết.

- **Thân bài:** Cảm nhận về đẹp của nhân vật Vũ Nương:

- + Về đẹp phẩm chất: Vũ Nương là người phụ nữ thủy chung, son sắt:

- Trong cuộc sống vợ chồng, biết Trương Sinh vốn có tính đa nghi, nên nàng luôn “giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải đến thất hòa” => một người vợ hiền thực, khôn khéo, nét na đúng mực.
- Khi chồng đi lính: Vũ Nương rót chén rượu đầy, dặn dò chồng những lời tình nghĩa, đầm thắm, thiết tha: “Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong được đeo ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi”.
- Ước mong thật bình dị, lời lẽ dịu dàng, ân cần -> chứng tỏ nàng luôn coi trọng hạnh phúc gia đình mà xem thường mọi công danh phú quý.
- Nàng cảm thông trước những nỗi vất vả gian lao mà chồng sẽ phải chịu đựng: “Chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường. Giặc cuồng còn lẩn lút, quân triều còn gian lao, rồi thế chẻ tre chưa có, mà mùa dưa chín quá kì, khiến thiếp ôm nỗi quan hoài, mẹ già triền miên lo lắng.”
- Qua lời nói dịu dàng, nàng cũng bộc lộ nỗi khắc khoải nhớ chồng của mình: “Nhìn trăng soi thành cũ, lại sửa soạn áo rét, gửi người ải xa, trông liễu rủ bãi hoang, lại thổn thức tâm tình, thương người đất thú! Dù có thư tín nghìn hàng, cũng sợ không có cánh hồng bay bổng”.

+ Vũ Nương còn là người con dâu hiếu thảo, một người mẹ đảm đang, yêu thương con hết mực:

- Trong ba năm chồng đi lính, một mình nàng nuôi dạy con thơ, phụng dưỡng mẹ chồng. Với mẹ chồng, nàng là một cô con dâu hiếu thảo.
- Khi bà ốm nàng đã thuốc thang lễ bái thần phật và lấy những lời khôn khéo để khuyên răn để bà vui bớt nỗi nhớ thương con.
- Đến khi bà mất, nàng đã hết lời thương xót, ma chay tế lễ cẩn trọng hết như với cha mẹ đẻ của mình.
- Lời trăng trối của người mẹ trước lúc chết thể hiện sự yêu thương, trân trọng đối với con dâu: “Sau này, trời xét lòng lành, ban cho phúc đức giống dòng tươi tốt, con cháu đông đàn, xanh kia quyết chẳng phụ lòng con như con đã chẳng phụ mẹ”.

+ Với con thơ, nàng hết sức yêu thương, chăm chút:

- Chi tiết nàng chỉ bóng mình trên vách và bảo đó là cha Đản cũng xuất phát từ tấm lòng của người mẹ, để con trai mình bớt đi cảm giác thiếu vắng tình cảm của người cha.

=> Nguyễn Dữ đã dành cho nhân vật một thái độ yêu mến, trân trọng qua từng trang truyện, từ đó khắc họa thành công hình tượng người phụ nữ với đầy đủ phẩm chất tốt đẹp.

+ Số phận oan nghiệt, bất hạnh:

- Là nạn nhân của chế độ nam quyền, một xã hội mà hôn nhân không có tình yêu và tự do: Trương Sinh xin mẹ trăm lạng vàng để cưới Vũ Nương.
- Là nạn nhân của chiến tranh phi nghĩa.
- Bế tắc, Vũ Nương đã phải tìm đến cái chết để giải nỗi oan ức, bảo toàn danh dự của mình.
- Cái kết thúc tưởng là có hậu nhưng thực chất chỉ đậm tô thêm tính chất bi kịch của cuộc đời Vũ Nương: “Vũ Nương ngồi trên chiếc kiệu hoa...lúc ẩn, lúc hiện...Rồi trong chốc lát, bóng nàng loang loáng mờ nhạt dần mà biến đi mất.”

=> Xây dựng hình tượng Vũ Nương, một mặt nhà văn ngợi ca những phẩm chất tâm hồn đáng quý của người phụ nữ xưa, mặt khác thể hiện thái độ cảm thông thương xót cho số

phận bất hạnh của họ và cực lực lên án xã hội phong kiến đương thời bất công, phi lí chà đạp, rẻ rúng con người đặc biệt là người phụ nữ.

www.eLib.vn